

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 27/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tuy;
2. Ông Đào Xuân Tim.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1999; nơi sinh, nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn A, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ ngày 24/12/2018, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 27/12/2018 đến nay;

Người bị hại:

- Anh **Tăng Bá T**, sinh năm 1982 và chị **Trần Thị H**, sinh năm 1985
Đều có địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1993 và Chị **Nguyễn Thị Hương T**, sinh năm 1995 (*Chị T đã ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng*).

Địa chỉ: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Những người bị hại đều vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Người làm chứng:

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969

- Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1991

- Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1970

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Trần Công K**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 23/12/2018, Phạm Văn T đem theo 01 chiếc kim cộng lực và 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại, rồi đi xe taxi từ nhà đến địa phận huyện K, Hải Dương với mục đích xem ai có tài sản gì sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân. T đi xe đến thị trấn Phú Thái thì xuống xe, đi bộ lang thang trên đường. Đến khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 24/12/2018, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE, biển số 16K2-1294, là tài sản của vợ chồng anh Tăng Bá T, sinh năm 1982 ở thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương dựng trong sân nhà anh T. Lợi dụng trời tối và gia đình anh T đã tắt điện đi ngủ, T dùng kim cộng lực cắt khóa cổng đi vào vị trí dựng chiếc xe mô tô trên, dùng vạm khóa vặn mở ổ khóa điện xe nhưng không được. Sau đó, T dắt xe ra đường, đi được khoảng 20m, T dừng lại tháo vỏ nhựa của xe để đầu lỏi dây điện cho xe nổ máy. Trước đó anh T đã phát hiện T đang dắt xe của vợ chồng mình ra ngoài, khi T đang đầu lỏi điện để nổ máy xe, anh T hô lên “*cướp, cướp...*” khi thấy anh T hô hoán, T bỏ lại xe máy cùng chiếc kim cộng lực và Vạm phá khóa bỏ chạy. T bỏ chạy được 300m thì anh T đuổi kịp, cùng với người dân gần đó bắt được T và báo Công an xã Kim Tân đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý chiếc xe mô tô, vạm phá khóa và chiếc kim cộng lực.

Quá trình điều tra bị cáo tự thú ra hành vi sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 21/12/2018, Phạm Văn T đi xe Taxi từ nhà đến huyện Kim Thành để xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi T mang theo túi da, 01 chiếc kim cộng lực, 01 tô vít và 01 vạm phá khóa. Khi đến địa phận xã K, T xuống xe đi bộ, quan sát thấy gia đình ông Trần Công K, sinh năm 1976 ở thôn: P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương đã đóng cửa đi ngủ, cửa nhà ông K là cửa xếp bằng kim loại được đóng lại, khóa ở phía trong. Sau khi nhìn qua khe hở cửa xếp, T nhìn thấy bên trong có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại 67, biển số 18-5316, là xe của vợ chồng anh Trần Ngọc T, sinh năm 1993, hàng xóm của ông K để nhờ xe ở đó. T dùng chiếc kim cộng lực đem theo cho vào qua lỗ hở, cắt móc khóa dắt xe ra ngoài đường, nổ máy đi xe về nhà mình. Trên đường về T sử dụng chiếc tô vít mang theo tháo chiếc biển số vít ở ven đường. Khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trộm

cấp được đến quán Internet của anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1982 ở Đ, thị xã Đ, Quảng Ninh. Tại đây T gửi nhờ chiếc xe tại quán và hỏi vay anh L 4.000.000đồng, anh L đồng ý cho T để nhờ xe và cho T vay tiền. T cầm tiền và ăn tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản từng vụ như sau;

Tại kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, sơn màu xanh, đeo biển kiểm soát 16K2 – 1294 là xe máy T đã trộm cắp của vợ chồng anh Tăng Bá T trị giá 4.000.000đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 03/2019/KL-HĐĐG ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại 67, không đeo biển kiểm soát là xe máy T đã trộm cắp của vợ chồng anh Trần Ngọc T trị giá 3.000.000đồng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSKT ngày 06/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không đưa ra tài liệu đồ vật yêu cầu gì, không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s,r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. xử phạt T từ 12-15 tháng tù, thời hạn tính từ 24/12/2018.

Về Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ vạm bằng kim loại gồm: 01 thanh kim loại dài 10,5cm, đường kính 1cm, bên ngoài bọc băng dính màu đen, 01 thanh kim loại màu trắng dài 13,5cm tròn, đường kính 1cm và 01 thanh kim loại dài 10,5cm, đường kính 1cm, một đầu dẹt; 01 kim cộng lực màu trắng, tay cầm bọc cao su màu đen dài 30,5cm, trả lại anh Trần Ngọc T 01 xe moto (không có biển số) nhãn hiệu HONDA loại cup 67, số khung SS50M265407, số máy SS50E246459

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 22/12/2018, tại lán xe trước cửa nhà ông Trần Công K ở thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn T đã cắt khóa cửa để trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại 67 của anh Trần Ngọc T, trị giá tài sản 3.000.000đồng.

Khoảng 03 giờ 30 ngày 24/12/2018, tại gia đình anh Tăng Bá T ở thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn T dùng kim cộng lực cắt khóa cổng để vào nhà anh T trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 16K2-1294 trị giá 4.000.000đồng.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi cá nhân, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ mất tài sản trong nhân dân nên cần có mức án nghiêm dành cho bị cáo.

Trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T thực hiện 02 vụ Trộm cắp tài sản, các lần bị cáo phạm tội đều cấu thành tội phạm một cách độc lập nên

bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T đã tự khai báo hành vi phạm tội vào ngày 22/12/2018 khi chưa bị phát hiện; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình Điều tra cơ quan Công an thu giữ 01 thanh kim loại dài 10,5cm, đường kính 1cm, bên ngoài bọc băng dính màu đen, 01 thanh kim loại màu trắng dài 13,5cm tròn, đường kính 1cm và 01 thanh kim loại dài 10,5cm, đường kính 1cm, một đầu dẹt; 01 kìm cộng lực màu trắng, tay cầm bọc cao su màu đen dài 30,5cm. Xét thấy đây là công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô HONDA, loại 67số khung SS50M265407, số máy SS50E246459, T trộm cắp của vợ chồng anh T, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản anh T mua của một người không rõ địa chỉ, khi mua không có đăng ký xe. Kết quả giám định và tra cứu trong quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe trên là của ai, do đó Công an huyện Kim T đã ra Thông báo để tìm chủ sở hữu của chiếc xe. Nay cần trả lại anh Trần Ngọc T chiếc xe mô tô HONDA, loại 67số khung SS50M265407, số máy SS50E246459 là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Bộ luật Hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 24/12/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về các biện pháp tư pháp:

Tịch thu cho tiêu hủy: hủy 01 bộ vam bằng kim loại gồm: 01 thanh kim loại dài 10,5cm, đường kính 1cm, bên ngoài bọc băng dính màu đen, 01 thanh kim loại màu trắng dài 13,5cm tròn, đường kính 1cm và 01 thanh kim loại dài 10,5cm, đường kính 1cm, một đầu dẹt; 01 kim cộng lực màu trắng, tay cầm bọc cao su màu đen dài 30,5cm.

Trả lại chiếc xe mô tô (Không có biển số) nhãn hiệu HONDA loại cup 67, số khung SS50M265407, số máy SS50E246459, cho anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Hương T, địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 19/3/2019 giữa Công an huyện Kim Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Hải